

Bản án số: **02/2024/DS-ST**

Ngày: 25/01/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thu An

2. Ông Phạm Xuân Đính

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **105/2023/TB-TLVA** ngày 19/6/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và Quyết định đưa ra xét xử sơ thẩm số **183/2023/QĐXXST-DS** ngày 11/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **137/2023/QĐST-DS** ngày 25/12/2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993; (có mặt)

HKTT: Ngô Văn S, phường Đ, Thị xã A, tỉnh Bình Định

Chỗ ở hiện nay: Khu phố X, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; (có mặt)

Trú tại: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương;

- Bị đơn: Bà Hà Xuân L, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Khu phố X, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Đức T, sinh năm 1993; Chỗ ở hiện nay: khu phố X, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; (xin vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1990; Trú tại: Khu phố X, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T và người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Quốc L trình bày:

Ông Nguyễn Hữu T là người chuyên mua bán phôi gỗ cao su để kiếm lời, nên có quen biết với bà Hà Xuân L. Do đó, hai bên tiến hành việc mua bán thông qua thói quen giao dịch từ trước mà không ký hợp đồng bằng văn bản, khi giao nhận hàng thì có phiếu nhận hàng. Cụ thể như sau:

Vào ngày 24/02/2023, sau khi bàn bạc bà L thống nhất mua phôi gỗ cao su của ông Tình với quy cách, số lượng, giá cả như sau:

1. Gỗ cao su loại thanh, qui cách: dày 26 cm, rộng 55 cm, dài 600 cm, số lượng là 27.3054 m³, giá 4.500.000 đồng/ 1m³.

Tổng cộng: 27.3054 m³ x 4.500.000 đồng/ 1m³ = 122.874.300 đồng (một trăm hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm đồng).

2. Gỗ cao su loại thanh, qui cách: dày 26 cm, rộng 65 cm, dài 600 cm, số lượng là 4.983 m³, giá 4.500.000 đồng/ 1m³.

Tổng cộng: 4.983 m³ x 4.500.000 đồng/ 1m³ = 22.545.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi lăm đồng).

3. Gỗ cao su loại thanh, qui cách: dày 26 cm, rộng 45 cm, dài 600 cm, số lượng là 1.629 m³, giá 4.500.000 đồng/ 1m³.

Tổng cộng: 1.629 m³ x 4.500.000 đồng/ 1m³ = 7.330.500 đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

4. Gỗ cao su loại thanh, qui cách: dày 42 cm, rộng 45 cm, dài 600 cm, số lượng là 0.7938 m³, giá 5.500.000 đồng/ 1m³.

Tổng cộng: 0.7938 m³ x 5.500.000 đồng/ 1m³ = 4.365.900 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm đồng).

5. Gỗ cao su loại thanh, qui cách: dày 42 cm, rộng 55 cm, dài 600 cm, số lượng là 0.8316 m³, giá 5.500.000 đồng/ 1m³.

Tổng cộng: 0.8316 m³ x 5.500.000 đồng/ 1m³ = 4.573.800 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm đồng).

Tổng số tiền đối với 05 loại phôi gỗ cao su loại thanh, qui cách nêu trên ông T bán cho bà L là 161.568.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Cùng ngày bà L đã nhận đủ số lượng phôi gỗ cao su nêu trên và cho xe tải vận chuyển về nơi bà L kinh doanh gỗ (xe tải biển số: 93C 132.18 tài xế là ông Đỗ Đức T). Sau khi nhận hàng, ông T yêu cầu bà L thanh toán tiền mua hàng, bà L xin hẹn vài hôm trả vì đang kẹt tiền và bên mua lại số hàng này của bà L chưa thanh toán tiền cho bà L. Tuy nhiên, từ ngày 24/02/2023 ông T nhiều lần tìm gặp bà L để yêu cầu thanh toán tiền mua phôi gỗ cao su, nhưng bà L nhiều lần xin hẹn thêm thời gian để trả, sau đó bà L nói không trả. Vì vậy, nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hà Xuân L phải trả cho ông T số tiền nợ trong hợp đồng mua bán phôi gỗ cao su là 161.568.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng) và số tiền lãi chậm trả là 10%/ 1 năm, tạm tính từ ngày 25/02/2023 đến ngày 25/05/2023 (03 tháng) là 4.039.200 đồng (bốn triệu không trăm ba mươi chín nghìn hai trăm đồng).

- Bị đơn bà Hà Xuân L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không trình bày ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Người làm chứng anh Đỗ Đức T là tài xế chở phôi gỗ đi giao cho bị đơn bà Hà Xuân L trình bày:

Ông Tâm không có quan hệ họ hàng gì và cũng không có mâu thuẫn gì với bà L ông T. Đối với bà L thì ông cũng chỉ biết mặt chứ không biết rõ về nhân thân, địa chỉ của bà L như thế nào.

Việc giao dịch mua bán giữa ông T và bà L như thế nào ông không rõ. Ông chỉ biết ngày 24/02/2023 thì ông có đến xưởng ván lạng Công Trí chờ hàng cho bà L. Do ông làm tài xế cho công ty TNHH MTV dịch vụ vận tải Thiên Phát; địa chỉ: khu phố 5, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nên sáng ngày 23/02/2023 ông Nguyễn Tấn Vũ, địa chỉ: khu phố X, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước là người điều hành xe của công ty gọi báo cho ông tới xưởng ván lạng Công Trí để đóng hàng phôi gỗ cao su đi giao cho bà Hà Xuân L nên trong sáng ngày 23/02/2023 ông chạy xe ô tô biển số 93C-13281 đến xưởng ván lạng Công Trí để đóng hàng lên xe thì do hàng hóa bị đổ, ngã mà không có xe nâng nên ông chạy xe đi về và đến chiều 23/02/2023 thì chạy xe qua xưởng ván lạng Công Trí lại để đóng hàng lên xe, quá trình đóng hàng lên xe thì ông cũng có mặt trực tiếp ở đó, đóng hàng xong thì ông chạy xe về chỗ đậu xe của công ty và đến sáng ngày 24/02/2023 ông mới chạy xe đi giao cho bà Hà Xuân L ở khu công nghiệp Đồng Xoài 1 nhưng tên công ty và địa chỉ cụ thể thì ông không nhớ. Nhưng khi đi giao hàng thì có bà Hà Xuân L dẫn đường cho ông đi đến địa điểm nhận hàng và khi hàng bốc xuống xe thì cũng có mặt bà L ở đó. Bình thường trước đây nếu như không có chủ hàng đi cùng thì ông sẽ có ký giấy tờ giao nhận và đưa về cho công ty nhưng ngày 24/02/2023 do bà L đi cùng nên ông không phải làm giấy tờ gì vì bà L sẽ làm thủ tục với công ty nhận hàng của bà L và tiền cước phí vận chuyển thì bà L sẽ thanh toán với công ty sau chứ không thanh toán tiền cước phí vận chuyển với tài xế.

Ông Tâm chỉ biết việc tới xưởng ván lạng Công Trí chờ hàng phôi gỗ cao su, còn khối lượng cụ thể bao nhiêu ông không nhớ và ông không biết người bán phôi gỗ cao su là ai. Ông chỉ biết tới chờ nhận hàng cho bà Hà Xuân L thôi. Khi đóng hàng lên xe thì cũng có mặt bà L ở đó kiểm đếm hàng hóa bốc lên xe. Bà L là người trực tiếp kiểm hàng cùng với một người đi cùng bà L nữa nhưng ông không biết là ai, khi bốc hàng Có ông, bà L và một số người nữa nhưng ông chỉ biết mặt mà Liều chứ những người còn lại ông không biết là ai. Khi chở số lượng phôi gỗ đến địa điểm giao hàng mà bà L chỉ dẫn thì bà L nhận hàng và trực tiếp làm việc, ký tá giấy tờ giao nhận với bên công ty mà bà L chỉ dẫn đến. Còn bà L giao số hàng trên cho ai như thế nào thì ông không biết vì ông không tham gia giao dịch.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị Trang cam đoan lời trình bày của bản thân là đúng sự thật khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của bản thân đối với sự việc mà chị làm chứng trong vụ án. Chị Trang không có quan hệ họ hàng gì với bà Hà Xuân L, còn đối với ông Nguyễn Hữu T thì chị là chị dâu, còn ông T là em rể. Giữa chị Trang và bà Hà Xuân L không có mâu thuẫn gì, chị Trang chỉ gặp bà L lần đầu tiên khi bà L mua hàng của ông T.

Chị Trang có góp vốn làm ăn ở xưởng gỗ Công Trí và ông Nguyễn Hữu T có nhờ để hàng ở trong kho Công Trí nên vào ngày 24/02/2023 thì chị có kiểm hàng dùm cho ông T còn việc thỏa thuận mua bán hàng hóa giữa bà L và ông T như thế nào thì chị không biết. Chị Trang chỉ kiểm hàng thay cho ông T, với số lượng hàng hóa thì như ghi trong phiếu xuất hàng đề ngày 24/02/2023 mà chị đã ký tên.

Còn việc bà L chưa thanh toán tiền hàng cho ông T và hai bên có tranh chấp như thế nào thì chị không biết. Vào ngày hai bên mua hàng là 24/02/2023, thì chị có thấy bà L chạy tới kho hàng và coi hàng, còn việc thỏa thuận mua bán giữa hai bên thì chị không biết. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà L thanh toán số tiền hàng còn thiếu thì chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về thu thập chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh ở Công ty TNHH MTV dịch vụ vận tải Thiên Phát; địa chỉ: khu phố 5, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nơi bà L thuê xe để vận chuyển hàng hóa, được công ty cung cấp thông tin như sau:

Ông Đỗ Đức T, trước đây là tài xế công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ vận tải Thiên Phát. Ngày 24/02/2023, công ty có nhận chở hàng là phôi gỗ cho bà Hà Xuân L và công ty đã điều động tài xế Đỗ Đức T đến xưởng ván lạng Công Trí để chở hàng cho bà L và đến giao hàng tại khu công nghiệp Đồng Xoài 1. Tiền cước phí vận chuyển bà L phải trả cho công ty là khoảng 4.000.000 đ (*bốn triệu đồng*); Tuy nhiên, giao dịch giữa công ty và bà L chỉ thỏa thuận bằng miệng và hiện nay bà L vẫn chưa thanh toán tiền cước phí vận chuyển các chuyến hàng cho công ty nên Công ty không có hóa đơn chứng từ để cung cấp cho Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Hà Xuân L: Được cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin là hiện nay bà L vẫn cư trú ở địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp khu phố X, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quốc L và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Hà Xuân L phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền hàng hóa là phôi gỗ bà L mua nhưng chưa thanh toán, tổng số tiền hàng là 161.568.000 đồng (*một trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) và số tiền lãi chậm trả là 10%/ năm.

Về thời điểm phát sinh lãi chậm trả thì nguyên đơn xin thay đổi từ ngày 25/02/2023 thành ngày 10/3/2023, do sau khi mua hàng thì anh T có gặp bà L yêu cầu thanh toán và bà L hứa sẽ thanh toán cho anh T vào ngày 10/3/2023 và anh T đã đồng ý. Do đó, anh T yêu cầu bà L phải trả lãi phát sinh do chậm trả tiền hàng tính từ ngày 10/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/01/2024 là 10 tháng 15 ngày và không cung cấp bổ sung chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Hà Xuân L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 430, 440 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T, buộc bà Hà Xuân L phải trả tiền hàng mua phôi gỗ chưa thanh toán là 161.568.000 đ (*một trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn*

đồng) và đồng thời buộc bà Hà Xuân L phải chịu tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán;

Đề nghị HĐXX xem xét nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Hà Xuân L phải thanh toán số tiền hàng hóa mà bà L chưa thanh toán. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn bà Hà Xuân L cư trú tại: Khu phố X, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hà Xuân L vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng anh Đỗ Đức T và chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin vắng mặt và đã có lời khai trực tiếp tại Tòa án, căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Hà Xuân L phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền hàng hóa là phôi gỗ bà L mua nhưng chưa thanh toán, tổng số tiền hàng là 161.568.000 đồng (*một trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) và số tiền lãi chậm trả là 10%/năm, tính từ ngày 10/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/01/2024 là 10 tháng 15 ngày.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, HĐXX xét thấy:

[3.1] Theo lời trình bày của anh T thì vào ngày 24/02/2023 anh T có bán cho bà L phôi gỗ cao su với 05 loại phôi với tổng số tiền anh T bán cho bà L là 161.568.000 đồng (*một trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng*). Nhưng mặc dù đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà L trả tiền hàng hóa nhưng bà L vẫn không trả, nên anh T mới khởi kiện bà L.

Xét thấy, theo phiếu xuất hàng do nguyên đơn anh T cung cấp thì không có chữ ký của bà L ở phần người mua. Tuy nhiên vào ngày 19/6/2023, Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành đã thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo đơn khởi kiện của anh T, vào ngày 30/6/2023 Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án trên cho bà L cũng như tổng đạt giấy triệu tập bà vào ngày 04/7/2023, có mặt tại trụ sở Tòa án để làm việc. Nhưng bà L không có mặt và không có ý kiến gì đối

với yêu cầu khởi kiện của anh T về việc buộc bà phải trả cho anh T tổng số tiền hàng còn nợ cũng như lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Tuy nhiên, mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng bà L không có ý kiến hay phản đối gì về việc nguyên đơn yêu cầu bà phải thanh toán tiền hàng hóa và lãi phát sinh và tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh có quy định như sau: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”

Mặt khác, theo lời khai của người lái xe anh Đỗ Đức T là người chở hàng hóa cho bà L cũng xác nhận sự việc vào ngày 24/02/2023, có chở hàng hóa theo yêu cầu của công ty cho bà L và bà L cũng có mặt ở đó kiểm đếm và nhận hàng hóa. Ngoài ra, tại biên bản xác minh của Tòa án cũng thể hiện nội dung: “*ngày 24/02/2023, công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ vận tải Thiên Phát có nhận chở hàng là phối gỗ cho bà Hà Xuân L và công ty đã điều động tài xế Đỗ Đức T đến xưởng ván lạng Công Trí để chở hàng cho bà L và đến giao hàng tại khu công nghiệp Đồng Xoài I*”;

Như vậy, theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự hiện hành về hợp đồng mua bán tài sản thì: “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*”. Do đó, việc bà L có mua hàng của anh T nhưng không trả tiền hàng cho anh T nên anh T khởi kiện bà L về việc không thanh toán tiền hàng hóa cho anh T nhưng bà không phản đối và được người làm chứng xác nhận nên yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ:

HĐXX xét thấy, giữa nguyên đơn anh T và bị đơn bà L không ký hợp đồng mua bán, 02 bên không có thỏa thuận cụ thể về việc sẽ thanh toán vào thời điểm nào sau khi giao hàng mà mua bán theo thói quen giữa hai bên đã xác lập từ trước. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà L không có mặt nên Tòa án không làm rõ được thói quen mua bán giữa hai bên mà chỉ do nguyên đơn trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự để xem xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền như sau:

“*2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản; 3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*”

Điều 357 Bộ luật dân sự quy định về Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, cụ thể: *1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.....2, lãi suất được thực hiện theo thỏa thuận.....nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật này.*”

Đối chiếu với các quy định nêu trên thì việc nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T yêu cầu bà Hà Xuân L phải chịu tiền lãi phát sinh do chậm trả với mức lãi là 0,83 %/ tháng tương đương với 10%/ năm tính từ ngày 10/3/2023 là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Cụ thể: Từ ngày 10/3/2023 – 25/01/2024 là 10 tháng 15 ngày.

Tức là: 161.568.000 đồng x 0,83 % x 10 tháng 15 ngày = 14.064.494 đồng (*mười bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng*);

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 175.632.494 đồng x 5% = 8.781.624 đồng (*Tám triệu bảy trăm tám mươi một nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng*);

Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 430, 440 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T về việc buộc bà Hà Xuân L phải trả tiền hàng mua phôi gỗ chưa thanh toán là 161.568.000 đ (*một trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng*);

Buộc bà Hà Xuân L phải chịu tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 14.064.494 đồng (*mười bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng*);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Hà Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.781.624 đồng (*Tám triệu bảy trăm tám mươi một nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng*);

Trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T đã nộp là 8.280.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012374 ngày 19/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Dương Thị Thúy